

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 02 năm 2018

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và sử dụng

Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 481/QĐ-UBND ngày 09/02/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chi tiết việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực lưu trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Các tổ chức, cá nhân đang hoạt động, kinh doanh trong lĩnh vực lưu trú thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các khái niệm, từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

- *Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú*: Là hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ công tác quản lý thông tin lưu trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; bao gồm các thành phần cơ bản: Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, phần mềm Quản lý thông tin lưu trú, cơ sở dữ liệu, nguồn nhân lực quản lý, vận hành, hệ thống pháp lý có liên quan...; việc truy cập, sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú thông qua các môi trường mạng tin học: Mạng nội bộ, mạng diện rộng, mạng Internet.

+ Địa chỉ truy cập dành cho các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực lưu trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:

- Công an Khánh Hòa: <http://congan.qlt.khanhhoa.vn>
- Cục Thuế, Sở Du lịch, Cục Thống kê Khánh Hòa:
<http://khaihac.qlt.khanhhoa.vn>

+ Địa chỉ truy cập dành cho các tổ chức, cá nhân đang hoạt động, kinh doanh trong lĩnh vực lưu trú thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:

<http://qlt.khanhhoa.vn>

- *Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin*: Là hệ thống bao gồm các thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị mạng, thiết bị khác,... được kết nối, thiết lập để phục vụ việc cài đặt, vận hành và sử dụng Hệ thống thông tin Quản lý lưu trú.

- *Phần mềm Quản lý thông tin lưu trú*: Là phần mềm nội bộ, cung cấp các công cụ, phương tiện phục vụ công tác quản lý lưu trú, bao gồm: khai báo, tiếp nhận, thống kê, xử lý các thông tin, dữ liệu về hoạt động lưu trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- *Cơ quan chủ trì*: UBND tỉnh giao Công an tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp tổ chức quản lý toàn bộ hoạt động của Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- *Cơ quan phối hợp*: Là những cơ quan chuyên môn tham gia phối hợp với Cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lưu trú trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Du lịch, Cục Thống kê tỉnh và các đơn vị trực thuộc.

- *Cơ sở lưu trú*: Là các cơ sở đang hoạt động, kinh doanh trong lĩnh vực lưu trú thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, bao gồm: Hộ gia đình, nhà ở tập thể, cơ sở chữa bệnh, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở khác (theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-VPQH ngày 11/7/2013 về Luật Lưu trú)

- *Cơ sở lưu trú du lịch*: Là nơi cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu lưu trú của khách du lịch gồm: Khách sạn, Biệt thự du lịch, Căn hộ du lịch, Tàu thủy lưu trú du lịch, Nhà nghỉ du lịch, Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, Bãi cắm trại du lịch, Các cơ sở lưu trú du lịch khác (theo quy định tại Điều 3, Điều 48 Luật Du lịch 2017).

- *Cơ sở dữ liệu lưu trú (CSDL lưu trú)*: Là toàn bộ thông tin, dữ liệu dạng số liên quan đến hoạt động lưu trú được khai báo, tiếp nhận, thống kê, xử lý trong Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú.

- *Tài khoản*: Là thông tin được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân để đăng nhập quản trị, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú theo phân cấp, phân quyền.

- *Người sử dụng*: Là tổ chức, cá nhân thuộc Cơ quan chủ trì, Cơ quan phối hợp, Cơ sở lưu trú, được cấp tài khoản để đăng nhập quản trị, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú theo phân cấp, phân quyền.

Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú

1. Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú hoạt động dưới sự quản lý thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú.

3. Việc cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu trên Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về công

nghệ thông tin, về bảo mật an toàn, an ninh thông tin và các quy định khác của Nhà nước, của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Những hành vi bị cấm

1. Thực hiện truy cập trái phép vào Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ.
2. Sử dụng, chia sẻ, phát tán thông tin, cơ sở dữ liệu của Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ không đúng với phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao và trái với các quy định hiện hành về cung cấp thông tin hoặc nhằm mục đích cạnh tranh không lành mạnh trong kinh doanh lưu trữ.
3. Tự ý can thiệp, tương tác ngoài phạm vi chức năng làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ, gây cản trở, sách nhiễu, gây phiền hà cho người sử dụng.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN LƯU TRÚ

Điều 6. Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin triển khai Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ

Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin triển khai Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ bao gồm: Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ cài đặt và thiết lập Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ để cung cấp sử dụng trên mạng các hệ thống mạng và hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ người sử dụng.

1. Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ cài đặt và thiết lập Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ để cung cấp trên các hệ thống mạng:

- Có đầy đủ máy chủ, switch, thiết bị tường lửa, thiết bị định tuyến, các phần mềm thương mại (phần mềm hệ điều hành, phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu, phần mềm virus,...) và các loại vật tư, thiết bị khác để phục vụ việc cài đặt, thiết lập Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ.

- Được thiết lập cơ chế bảo đảm vận hành an toàn và an ninh thông tin Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ.

2. Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ người sử dụng:

- Có đầy đủ thiết bị và phương tiện để kết nối, truy cập và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ thông qua các hệ thống mạng.

- Được cài đặt, thiết lập cơ chế bảo mật, phòng tránh virus xâm nhập.

Điều 7. Yêu cầu về tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ

1. Cơ quan chủ trì quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ

- Tổ chức nhân sự, đào tạo, bồi dưỡng để tiếp nhận và quản trị tốt Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ. Thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ chuyên môn về quản trị hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.

- Bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ cài đặt và thiết lập Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ để cung cấp cho người sử dụng trên các hệ thống mạng.

- Phổ biến, hướng dẫn việc trang bị, thiết lập hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để phục vụ cho người sử dụng.

- Chủ trì, phối hợp với các Cơ quan phối hợp xây dựng, phổ biến tài liệu hướng dẫn quản lý, sử dụng cho tất cả các đối tượng tham gia trong Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ, bảo đảm việc thao tác, xử lý được thuận lợi, thống nhất và an toàn.

- Thiết lập và công khai đường dây nóng để hỗ trợ hoạt động quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ.

- Chủ trì, phối hợp với các Cơ quan phối hợp thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc triển khai sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ; kịp thời chấn chỉnh các trường hợp khai thác sử dụng Hệ thống không đúng mục đích, không đúng với tài liệu hướng dẫn đã ban hành.

- Thực thi các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu trong Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ. Kịp thời triển khai các phương án xử lý sự cố phát sinh nhằm bảo đảm Hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt 24/7.

- Định kỳ hàng năm (hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên) thực hiện báo cáo UBND tỉnh về tình hình quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ.

- Hàng năm xây dựng và đề xuất dự toán kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ bảo hành, bảo trì Hệ thống. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để xuất các phương án nâng cấp, mở rộng hoạt động của Hệ thống nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng thực tế.

2. Cơ quan phối hợp tham gia quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ

- Bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để phục vụ truy cập, sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ.

- Đăng ký và tiếp nhận tài khoản từ Cơ quan chủ trì.

- Tổ chức nhân sự và phân cấp, phân công giao tài khoản cho người sử dụng trong đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc (nếu có) theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc khai thác sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ tại đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc (nếu có). Thực hiện rà soát, đề xuất và phối hợp với Cơ quan chủ trì cập nhật, bổ sung, hiệu chỉnh thông tin, dữ liệu trên Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ nhằm bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, dữ liệu do đơn vị mình cung cấp, xử lý trên Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ.

- Phản ánh, thông báo (*qua địa chỉ thư điện tử, số điện thoại đã đăng ký*) và phối hợp với Cơ quan chủ trì xử lý các sự cố phát sinh. Các trường hợp can thiệp, tương tác ngoài phạm vi chức năng trên Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ phải được sự đồng ý của cơ quan cấp trên và được sự thống nhất của Cơ quan chủ trì.

- Phối hợp với Cơ quan chủ trì thường xuyên tổ chức tập huấn, hướng dẫn thao tác, xử lý các nghiệp vụ chuyên môn thuộc đơn vị mình quản lý trên Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ cho các đối tượng sử dụng.

3. Cơ sở lưu trữ tham gia sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ

- Bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để phục vụ truy cập, sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ.

- Đăng ký và tiếp nhận tài khoản từ Cơ quan chủ trì.

- Bố trí nhân sự sử dụng tài khoản theo đúng quy trình, quy định.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ thao tác, xử lý cho người sử dụng theo đúng hướng dẫn của Cơ quan phối hợp, bảo đảm các thông tin về lưu trữ do Cơ sở mình cung cấp trên Hệ thống được chính xác, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, dữ liệu do Cơ sở mình cung cấp, xử lý trên Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ.

- Kịp thời thông báo và phối hợp với Cơ quan chủ trì xử lý các sự cố phát sinh.

- Trường hợp bất khả kháng không thể đăng nhập vào hệ thống do lỗi kỹ thuật, Cơ sở lưu trữ lập mẫu phiếu báo cáo (*theo mẫu số 3*) để gửi đến các Cơ quan phối hợp qua địa chỉ thư điện tử hoặc gọi thông báo bằng điện thoại đã đăng ký với cơ quan quản lý.

4. Người sử dụng trực tiếp thao tác trên Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ

- Tiếp nhận và sử dụng tài khoản đúng quy định.

- Thực hiện thao tác, xử lý trên Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ theo đúng hướng dẫn của Cơ quan chủ trì, Cơ quan phối hợp.

- Không vi phạm những hành vi bị cấm tại Điều 5 của Quy chế này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, dữ liệu do mình cung cấp, xử lý trên Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ.

- Kịp thời phản ánh các sự cố phát sinh đến cấp trên để cùng phối hợp xử lý, khắc phục.

Điều 8. Quy trình đăng ký và tiếp nhận tài khoản

- Cá nhân, tổ chức có nhu cầu khai thác sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ thực hiện đăng ý tài khoản theo Phiếu đề nghị (*theo mẫu số 1*).

- Cơ quan chủ trì tiếp nhận, phối hợp với Cơ quan phối hợp liên quan thẩm định và cấp tài khoản cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

- Cơ quan chủ trì nghiên cứu và quy định về dạng mẫu tài khoản để cấp cho các tổ chức, cá nhân. Tài khoản bao gồm “Tên đăng nhập” và “Mật khẩu đăng nhập ban đầu”; trong đó “Tên đăng nhập” là cố định và duy nhất.

- Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phân công, giao tài khoản cho người sử dụng.

- Người sử dụng tiếp nhận và sử dụng tài khoản theo quy định.

Điều 9. Quy định về sử dụng tài khoản đối với người sử dụng

- Bắt buộc phải thay đổi “Mật khẩu đăng nhập ban đầu” sau khi đăng nhập lần đầu vào Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ. Định kỳ, người sử dụng tài khoản phải thay đổi mật khẩu để đảm bảo an toàn, bảo mật.

- Không được chia sẻ sử dụng tài khoản được cấp cho các tổ chức, cá nhân không thuộc thẩm quyền truy cập sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ.

- Khi truy cập và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ bằng các thiết bị được dùng chung (do nhiều người sử dụng với nhiều mục đích khác nhau), kết thúc phiên làm việc phải đăng xuất ra khỏi Hệ thống.

- Các trường hợp quên mật khẩu hoặc tài khoản bị đánh cắp phải báo cáo đến Cơ quan chủ trì để xử lý, giải quyết. Việc báo cáo phải thực hiện ngay trong ngày, đồng thời qua số điện thoại và địa chỉ thư điện tử, đã đăng ký.

Điều 10. Các loại tài khoản

1. Tài khoản Quản trị hệ thống: Là tài khoản có quyền cao nhất trong Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ; được truy cập, khai thác, sử dụng toàn bộ thông tin, cơ sở dữ liệu của Hệ thống. Tài khoản Quản trị hệ thống được tạo lập và giao cho Cơ quan chủ trì tiếp nhận, sử dụng.

Tài khoản Quản trị hệ thống có quyền tạo mới, xoá, sửa và thiết lập quyền cho tất cả các loại tài khoản trong Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ.

2. Tài khoản cấp cho ngành Công an

a) *Tài khoản Quản lý cấp 1*: Là tài khoản được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng toàn bộ thông tin, cơ sở dữ liệu của hệ thống Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ liên quan đến công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội và đảm bảo an ninh trật tự ở cấp tỉnh.

Tài khoản *Quản lý cấp 1* có quyền tạo mới, xoá, sửa và thiết lập quyền cho các tài khoản *Quản lý cấp 2*.

b) *Tài khoản Quản lý Cấp 2*: Là tài khoản được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng toàn bộ thông tin, cơ sở dữ liệu của hệ thống Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ liên quan đến công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội và đảm bảo an ninh trật tự ở cấp huyện.

Tài khoản *Quản lý cấp 2* có quyền tạo mới, xoá, sửa và thiết lập quyền cho các tài khoản *Quản lý cấp 3*.

c) *Tài khoản Quản lý cấp 3*: Là tài khoản được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng toàn bộ thông tin, cơ sở dữ liệu của hệ thống Hệ thống Quản lý thông tin

lưu trữ liên quan đến công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội và đảm bảo an ninh trật tự ở cấp xã.

3. Tài khoản cấp cho ngành Thuế

a) *Tài khoản Thuế cấp 1*: Là tài khoản được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng toàn bộ thông tin, cơ sở dữ liệu của hệ thống Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ liên quan đến công tác quản lý nhà nước về thuế ở cấp tỉnh.

Tài khoản *Thuế cấp 1* có quyền tạo mới, thêm, xoá, sửa, thiết lập quyền cho các tài khoản *Thuế cấp 2*.

b) *Tài khoản Thuế cấp 2*: Là tài khoản được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng toàn bộ thông tin, cơ sở dữ liệu của hệ thống Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ liên quan đến công tác quản lý nhà nước về thuế ở cấp huyện.

Tài khoản *Thuế cấp 2* có quyền tạo mới, thêm, xoá, sửa, thiết lập quyền cho các tài khoản *Thuế cấp 3*.

c. *Tài khoản Thuế cấp 3*: Là tài khoản được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng toàn bộ thông tin, cơ sở dữ liệu của hệ thống Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ liên quan đến công tác quản lý nhà nước về thuế ở cấp xã.

4. Tài khoản cấp cho ngành Du lịch

a) *Tài khoản Du lịch cấp 1*: Là tài khoản được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng toàn bộ thông tin, cơ sở dữ liệu của hệ thống Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ liên quan đến công tác quản lý nhà nước về du lịch ở cấp tỉnh.

Tài khoản *Du lịch cấp 1* có quyền tạo mới, thêm, xoá, sửa, thiết lập quyền cho các tài khoản *Du lịch cấp 2*.

b) *Tài khoản Du lịch cấp 2*: Là tài khoản được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng toàn bộ thông tin, cơ sở dữ liệu của hệ thống Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ liên quan đến công tác quản lý nhà nước về du lịch ở cấp huyện.

5. Tài khoản cấp cho ngành Thống kê

a) *Tài khoản Thống kê cấp 1*: Là tài khoản được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng toàn bộ thông tin, cơ sở dữ liệu của hệ thống Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ liên quan đến công tác quản lý nhà nước về thống kê ở cấp tỉnh.

Tài khoản *Thống kê cấp 1* có quyền tạo mới, thêm, xoá, sửa, thiết lập quyền cho các tài khoản *Thống kê cấp 2*.

b) *Tài khoản Thống kê cấp 2*: Là tài khoản được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng toàn bộ thông tin, cơ sở dữ liệu của hệ thống Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ liên quan đến công tác quản lý nhà nước về thống kê ở cấp huyện.

Điều 11. Cơ chế cung cấp, trao đổi, sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu

1. Cơ quan phối hợp thực hiện việc cung cấp, trao đổi và sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu trên Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ do ngành mình phụ trách. Các trường hợp cần sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu của các ngành khác trên Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý ngành chủ quản.

2. Các Cơ sở lưu trú:

- Nhập mô hình sơ đồ phòng của Cơ sở lưu trú theo mẫu của hệ thống. Cập nhật khi có sự thay đổi quy mô, tên gọi các phòng.

- Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý lưu trú.

- Đối với khách lưu trú là người nước ngoài:

+ Cơ sở lưu trú được quyền lựa chọn cách thức cập nhật thông tin thuận lợi nhất song vẫn đảm bảo cập nhật thông tin đầy đủ trên Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú này và trang “Khai báo tạm trú cho người nước ngoài” theo quy định tại Thông tư số 53/2016/TT-BCA ngày 28/12/2016 của Bộ Công an.

+ **Khuyến nghị:** Cơ sở lưu trú nhập toàn bộ thông tin người nước ngoài lưu trú trên Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú này, sau đó xuất ra tập tin (Export file) theo mẫu có sẵn và *nhập tập tin* (Import file) này vào hệ thống “Khai báo tạm trú cho người nước ngoài” (địa chỉ trang <https://khanhhoa.xuatnhapcanh.gov.vn/>) theo quy định.

- Được quyền hiệu chỉnh thông tin khai báo của khách lưu trú trong ngày, chậm nhất đến trước thời điểm 24 giờ hàng ngày (thông tin về khách lưu trú trên hệ thống không được xóa); được quyền khai thác, sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu về khách lưu trú tại địa điểm lưu trú do mình quản lý.

- Thông tin khách hàng rời cơ sở phải được khai báo chậm nhất là 14 giờ hàng ngày; sau thời hạn này, hệ thống sẽ tự động tính thêm thời gian lưu trú cho khách.

- Thông tin, cơ sở dữ liệu lưu trú khai báo hàng ngày được lưu trữ trực tuyến trên máy chủ của hệ thống tối thiểu là 18 tháng. Sau thời gian trên, Quản trị hệ thống thực hiện sao lưu dữ liệu, lưu trữ riêng trong vòng 60 tháng.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tra cứu, trích xuất dữ liệu đã hết thời gian lưu trữ trực tuyến, thông báo bằng văn bản (*theo mẫu số 4*) gửi cho bộ phận Quản trị hệ thống để được giải quyết.

Chương III

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 12. Trách nhiệm, quyền hạn của Quản trị hệ thống

1. Giao Công an tỉnh quản lý, sử dụng Tài khoản Quản trị hệ thống:

a. Tạo mới, thay đổi, thiết lập, thêm bớt quyền, xóa bỏ Tài khoản cấp 1 của tất cả các Cơ quan phối hợp: Cục Thuế tỉnh, Sở Du lịch, Cục Thống kê tỉnh.

b. Xóa bỏ tất cả tài khoản khác của các Cơ quan phối hợp và Cơ sở lưu trú nếu các tài khoản này bị mất, có nguy cơ gây ảnh hưởng đến Hệ thống hoặc khi Cơ sở lưu trú thay đổi pháp nhân, ngừng hoạt động.

2. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài khoản, khai thác dữ liệu thông báo lưu trú của tất cả các đối tượng nêu tại Khoản 1, Điều này.

3. Truy cập, khai thác, trích xuất thông tin có trong CSDL lưu trữ trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác Quản trị hệ thống, công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Trực tiếp quản lý, vận hành, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm phần mềm Quản lý thông báo lưu trữ cài đặt trên máy chủ của hệ thống, đặt tại cơ sở của đơn vị quản trị chính hoạt động thông suốt, an toàn và ổn định 24/24 giờ.

5. Chủ động xây dựng phương án nâng cấp, thay thế, cải tạo hệ thống hàng năm, báo cáo lãnh đạo cấp trên đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 13. Trách nhiệm, quyền hạn, của Công an tỉnh

1. Tổ chức quản lý toàn diện Hệ thống thông tin lưu trữ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ theo đúng các quy định của ngành Công an và pháp luật hiện hành.

2. Giám đốc Công an tỉnh quyết định thành lập và ban hành Quy chế làm việc của bộ phận Quản lý hệ thống thông tin lưu trữ, có các thành viên của Cơ quan chủ trì và các Cơ quan phối hợp. Bộ phận Quản lý hệ thống có trách nhiệm:

- Thực hiện nhiệm vụ Quản trị hệ thống nêu tại Điều 12.
- Giúp Giám đốc Công an tỉnh quản lý toàn diện Hệ thống thông tin lưu trữ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
- Nghiên cứu, trình UBND tỉnh quyết định việc thu phí các dịch vụ gia tăng liên quan đến Hệ thống thông tin lưu trữ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, hướng dẫn khai thác, sử dụng hệ thống.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất giải pháp và kinh phí duy trì, nâng cấp hệ thống, đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả.

5. Báo cáo UBND tỉnh về tình hình quản lý và sử dụng, khai thác Hệ thống theo chỉ đạo.

6. Cung cấp, chia sẻ thông tin CSDL của hệ thống theo chỉ đạo của UBND tỉnh hoặc yêu cầu (bằng văn bản và không trái với quy định của pháp luật hiện hành) của các đơn vị, tổ chức để hỗ trợ, phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Điều 14. Trách nhiệm, quyền hạn của Cục Thuế tỉnh

1. Tổ chức, quản lý việc khai thác, sử dụng thông tin CSDL Thuế lưu trữ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để phục vụ công tác chuyên môn theo đúng các quy định của ngành Thuế và pháp luật hiện hành.

2. Thành lập bộ phận Quản lý tài khoản của ngành Thuế toàn tỉnh, thông báo đầu mối liên hệ và những thay đổi về nhân sự của Quản lý tài khoản (nếu có) để Quản trị hệ thống, các Cơ quan phối hợp và Cơ sở lưu trữ biết, liên hệ khi cần giải đáp, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến lĩnh vực thuế lưu trữ.

3. Cung cấp, chia sẻ thông tin CSDL Thuế lưu trú theo chỉ đạo của UBND tỉnh hoặc yêu cầu (bằng văn bản và không trái với quy định của pháp luật hiện hành) của các đơn vị, tổ chức để hỗ trợ, phục vụ công tác quản lý nhà nước.

4. Cập nhật thông tin Mã số thuế của các Cơ sở kinh doanh Lưu trú vào hệ thống để các Cơ quan phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin; thông báo ngay cho Quản trị hệ thống và các Cơ quan phối hợp khi Cơ sở kinh doanh lưu trú có thay đổi về nghĩa vụ thuế (nghỉ kinh doanh, thay đổi pháp nhân...)

Điều 15. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Du lịch

1. Tổ chức, quản lý việc khai thác, sử dụng thông tin CSDL lưu trú Du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để phục vụ công tác chuyên môn theo đúng các quy định của ngành Du lịch và pháp luật hiện hành.

2. Thành lập bộ phận Quản lý tài khoản của đơn vị quản lý ngành Du lịch, thông báo đầu mối liên hệ và những thay đổi về nhân sự của Quản lý tài khoản (nếu có) để Quản trị hệ thống, các Cơ quan phối hợp và Cơ sở lưu trú biết, liên hệ khi cần giải đáp, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Du lịch lưu trú.

3. Cung cấp, chia sẻ thông tin CSDL lưu trú Du lịch theo chỉ đạo của UBND tỉnh hoặc yêu cầu (bằng văn bản và không trái với quy định của pháp luật hiện hành) của các đơn vị, tổ chức để hỗ trợ, phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của Cục Thống kê tỉnh

1. Tổ chức, quản lý việc khai thác, sử dụng thông tin CSDL Thống kê lưu trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để phục vụ công tác chuyên môn theo đúng các quy định của ngành Thống kê và pháp luật hiện hành.

2. Thành lập bộ phận Quản lý tài khoản của ngành Thống kê toàn tỉnh, thông báo đầu mối liên hệ và những thay đổi về nhân sự của Quản lý tài khoản (nếu có) để Quản trị hệ thống và các Cơ quan phối hợp, liên hệ khi cần.

3. Cung cấp, chia sẻ thông tin CSDL Thống kê lưu trú theo chỉ đạo của UBND tỉnh hoặc yêu cầu (bằng văn bản và không trái với quy định của pháp luật hiện hành) của các đơn vị, tổ chức để hỗ trợ, phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Điều 17. Trách nhiệm, quyền hạn của Cơ sở lưu trú

1. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật liên quan đến lĩnh vực lưu trú.

2. Thông báo ngay cho Quản trị hệ thống và Cơ quan phối hợp khi có thay đổi về pháp nhân hoặc ngừng hoạt động.

3. Kịp thời phản ánh, kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước những vấn đề bất cập trong quá trình thực hiện để hiệu chỉnh, bổ sung hoàn thiện.

Điều 18. Chế độ lưu trữ, thông tin báo cáo

1. Các Cơ quan phối hợp thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định của ngành mình. Việc thống kê, tổng hợp, báo cáo theo từng chuyên đề, lĩnh vực do các Cơ quan phối hợp tự thực hiện trên hệ thống.

2. Các Cơ sở lưu trú thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý lưu trú.

3. Các Cơ quan phối hợp, Cơ sở lưu trú có nhu cầu tra cứu, trích xuất dữ liệu đã hết thời gian lưu trữ trực tuyến, thông báo bằng văn bản (theo mẫu số 4) gửi cho bộ phận Quản trị hệ thống để được giải quyết.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực từ ngày 01/03/2018.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện đúng Quy chế này.

2. Các trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, hoặc phát sinh vấn đề mới, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh đến Cơ quan chủ trì để tổng hợp và đề xuất trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

TRẦN SƠN HẢI

**PHẦN I ĐÍNH KÈM:
CÁC BIỂU MẪU**

Mẫu số 1: Biểu mẫu đăng ký lần đầu, cấp mới tài khoản

Tên Cơ quan, đơn vị chủ quản
Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Khánh Hòa, ngày tháng năm

PHIẾU ĐỀ NGHỊ

đăng ký cấp mới tài khoản quản lý/thông báo lưu trú

Kính gửi: Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, Công an Khánh Hòa.

Căn cứ Quy chế Quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (ban hành kèm theo Quyết định số: 481/QĐ-UBND, ngày 09/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa; *Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú* đề nghị Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, Công an Khánh Hòa xem xét cho *đăng ký cấp mới tài khoản quản lý/thông báo lưu trú* như sau:

- Họ và tên người sử dụng tài khoản:.....
- Chức vụ:

* **Loại hình cơ sở lưu trú:** Cơ sở lưu trú/Cơ sở lưu trú du lịch (*mục này chỉ dành cho Cơ sở lưu trú khai báo, để phân biệt CSLT với CSLT du lịch*):.....

- Thông tin liên hệ:
 - + Địa chỉ thư điện tử của *Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú*):.....
 - + Số điện thoại cố định của *Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú*:.....
 - + Thời gian bắt đầu hoạt động *Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú*:.....

Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú cam kết quản lý, sử dụng tài khoản được cấp đúng quy định đã ban hành.

Nơi nhận:

- Như trên: Email+CV giấy;
- Quản trị hệ thống: Email;
- Lưu CQPH/CSLT.

THỦ TRƯỞNG CQPH/GIÁM ĐỐC CSLT

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 2: Biểu mẫu Đề nghị thay đổi mật khẩu Tài khoản

Tên Cơ quan, đơn vị chủ quản
Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Khánh Hòa, ngày tháng năm

PHIẾU ĐỀ NGHỊ

Thay đổi mật khẩu tài khoản quản lý/thông báo lưu trú

Kính gửi: Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, Công an Khánh Hòa.

Căn cứ Quy chế Quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Ban hành kèm theo Quyết định số: 481/QĐ-UBND, ngày 09/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa; *Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú* đề nghị Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, Công an Khánh Hòa xem xét cho *thay đổi mật khẩu tài khoản quản lý/thông báo lưu trú* như sau:

1. Tài khoản đang sử dụng:.....
 - Họ và tên người sử dụng tài khoản cũ:.....
 - Chức vụ:
 - Thông tin liên hệ:
 - + Địa chỉ thư điện tử của *Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú*:.....
 - + Số điện thoại cố định của *Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú*:.....

2. Lý do thay đổi mật khẩu tài khoản: Thay đổi người sử dụng tài khoản
 - Họ và tên người sử dụng tài khoản mới:.....
 - Chức vụ:
 - Thông tin liên hệ:
 - + Địa chỉ thư điện tử của *Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú*:.....
 - + Số điện thoại cố định của *Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú*:.....

* **Loại hình cơ sở lưu trú:** Cơ sở lưu trú/Cơ sở lưu trú du lịch (*mục này chỉ dành cho Cơ sở lưu trú khai báo, để phân biệt CSLT với CSLT du lịch*):.....

Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú cam kết quản lý, sử dụng tài khoản được cấp đúng quy định đã ban hành.

* **Lưu ý:** *CQPH/CSLT có thể yêu cầu bộ phận Quản trị thay đổi mật khẩu tài khoản từ số điện thoại cố định đã đăng ký (trừ trường hợp số điện thoại này đã bị ngưng hoạt động hoặc chuyển cho tổ chức các nhân khác sử dụng) nhưng phải gửi Phiếu đề nghị này để lưu trong hệ thống.*

Nơi nhận:

- Như trên: Email+CV giấy;
- Quản trị hệ thống: Email;
- Lưu CQPH/CƠ SỞ LƯU TRÚ.

THỦ TRƯỞNG CQPH/GIÁM ĐỐC CSLT

(*ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Mẫu số 3a: Đề nghị Xác nhận không đăng nhập hệ thống

Tên Cơ quan, đơn vị chủ quản
Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Khánh Hòa, ngày tháng năm

PHIẾU ĐỀ NGHỊ

xác nhận không đăng nhập hệ thống được do sự cố kỹ thuật

Kính gửi: Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, Công an Khánh Hòa.

Căn cứ Quy chế Quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Ban hành kèm theo Quyết định số :481/QĐ-UBND, ngày 09/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa; Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú đề nghị Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, Công an Khánh Hòa xác nhận tình trạng không đăng nhập được vào hệ thống thông tin lưu trú do sự cố kỹ thuật như sau:

1. Tài khoản đang sử dụng:.....

- Họ và tên người sử dụng tài khoản cũ:.....

- Chức vụ:

- Thông tin liên hệ:

+ Địa chỉ thư điện tử của Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú :.....

+ Số điện thoại cố định của Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú :.....

2. Tình trạng cần xác nhận:

- Thời gian không đăng nhập được vào hệ thống:.....

- Tình trạng kỹ thuật (mô tả sơ bộ): *(Mật khẩu bị thay đổi, chưa cấp lại kịp/sự cố phần mềm QLTBLT/ lỗi khác)*.....

Nơi nhận:

- Như trên: Email+CV giấy;

- Quản trị hệ thống: Email;

- Lưu CQPH/CSLT.

THỦ TRƯỞNG CQPH/GIÁM ĐỐC CSLT

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 3b: Xác nhận không đăng nhập được vào hệ thống

CÔNG AN TỈNH KHÁNH HOÀ
PHÒNG QLHC VỀ TTXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: /CV-PC64(QLLT)

Khánh Hòa, ngày tháng năm

PHIẾU XÁC NHẬN

không đăng nhập được vào hệ thống được do sự cố kỹ thuật

Kính gửi:

Căn cứ Quy chế Quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Ban hành kèm theo Quyết định số: 481/QĐ-UBND, ngày 09/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa;

Theo đề nghị của Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú tại Công văn số.....ngày / /201... v/v đề nghị xác nhận không đăng nhập hệ thống được do sự cố kỹ thuật;

Căn cứ kết quả kiểm tra tình trạng kỹ thuật của Hệ thống QL TBLT, Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, Công an Khánh Hòa xác nhận tình trạng không đăng nhập được vào hệ thống thông tin lưu trú do sự cố kỹ thuật như sau:

- Tài khoản đang sử dụng:.....
- Họ và tên người sử dụng tài khoản:.....
- Thông tin liên hệ:
 - + Địa chỉ thư điện tử của Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú :.....
 - + Số điện thoại cố định của Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trú :.....
- **Tình trạng:** Không đăng nhập được vào Hệ thống thông tin quản lý thông báo lưu trú từ giờ phút ngày đến giờ phút ngày / /201....
- Lý do:.....

* Ghi chú: *Phiếu xác nhận này cấp cho CSLT để trình bày với các Cơ quan phối hợp (Thuế, Dịch lịch, Thống kê) khi chưa cập nhật thông tin khách lưu trú trong thời gian xảy ra lỗi kỹ thuật.*

Nơi nhận:

- Như trên: Email+CV giấy;
- Quản trị hệ thống: Email;
- Lưu PC64.

TRƯỞNG PHÒNG

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 4: Đề nghị tra cứu, trích xuất dữ liệu

Tên Cơ quan, đơn vị chủ quản
Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trữ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Khánh Hòa, ngày tháng năm

PHIẾU ĐỀ NGHỊ

tra cứu, trích xuất dữ liệu khách lưu trữ

Kính gửi: Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, Công an Khánh Hòa.

Căn cứ Quy chế Quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin lưu trữ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Ban hành kèm theo Quyết định số: 481/QĐ-UBND, ngày 09/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa; *Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trữ* đề nghị Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, Công an Khánh Hòa tra cứu, trích xuất dữ liệu khách lưu trữ như sau:

1. Tài khoản đang sử dụng:.....

- Họ và tên người sử dụng tài khoản cũ:.....

- Chức vụ:

- Địa chỉ thư điện tử của *Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trữ* :.....

- Số điện thoại cố định của *Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trữ* :.....

2. Thông tin khách lưu trữ cần tra cứu, trích xuất:

- Thông tin chi tiết về khách lưu trữ:

- Thời gian lưu trữ:

- Lý do trích xuất, tra cứu:

Cơ quan phối hợp/Cơ sở lưu trữ cam kết bảo mật và sử dụng thông tin trên đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên: Email+CV giấy;
- Quản trị hệ thống: Email;
- Lưu CQPH/CSLT.

THỦ TRƯỞNG CQPH/GIÁM ĐỐC CSLT

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN II ĐÍNH KÈM: CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 1: DANH MỤC

MÃ CÁC QUỐC GIA NƠI CÔNG DÂN ĐĂNG KÝ KHAI SINH

(Ban hành kèm theo Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ và Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ Công an)

STT	Tên nước	Mã	STT	Tên nước	Mã
1	Afghanistan	101	100	Litva (Lít-va)	200
2	Ai Cập	102	101	Luxembourg (Lúc-xem-bua)	201
3	Albania	103	102	Macedonia (Mã Cơ Đón) (Ma-xê-đô-ni-a)	202
4	Algérie (An-giê-ri)	104	103	Madagascar	203
5	Andorra (An-đô-ra)	105	104	Malawi (Ma-la-uy)	204
6	Angola (Ăng-gô-la)	106	105	Malaysia (Mã Lai Tây Á) (Ma-lay-xi-a)	205
7	Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland	107	106	Maldives (Man-di-vơ)	206
8	Antigua và Barbuda (An-ti-go goa và Bắc-bu-da)	108	107	Mali	207
9	Áo	109	108	Malta (Man-ta)	208
10	Ả Rập Saudi (Ả Rập Xê-út)	110	109	Maroc	209
11	Argentina	111	110	Quần đảo Marshall	210
12	Armenia (Ăc-mê-ni-a)	112	111	Mauritanie (Mô-ri-ta-ni)	211
13	Azerbaijan (A-giéc-bai-gian)	113	112	Mauritius (Mô-ri-xơ)	212
14	Cộng hòa Azerbaijan	114	113	Mexico (Mê-hi-cô)	213
15	Cộng hòa Ấn Độ	115	114	Micronesia (Mi-crô-nê-di)	214
16	Bahamas (Ba-ha-mát)	116	115	Moldova (Môn-đô-va)	215
17	Bahrain (Ba-ranh)	117	116	Monaco (Mô-na-cô)	216
18	Ba Lan	118	117	Mông Cổ	217
19	Bangladesh (Băng-la-đét)	119	118	Montenegro (Môn-tê-nê-grô)	218
20	Barbados (Bác-ba-đốt)	120	119	Mozambique (Mô-dăm-bích)	219
21	Belarus (Bê-la-rút)	121	120	Myanma (Mi-an-ma)	220
22	Belize (Bê-li-xê)	122	121	Namibia (Na-mi-bi-a)	221
23	Benin (Bê-nanh)	123	122	Nam Sudan	222
24	Bhutan (Bu-tan)	124	123	Nam Phi	223
25	Bỉ	125	124	Nauru (Nau-ru)	224
26	Bolivia (Bô-li-vi-a)	126	125	Na Uy	225
27	Bosna và Hercegovina (Bôt-xni-a và Héc-dê-gô-vi-na)	127	126	Nepal (Nê-pan)	226

STT	Tên nước	Mã	STT	Tên nước	Mã
28	Botswana	128	127	New Zealand (Niu Di-lân) (Tân Tây Lan)	227
29	Bồ Đào Nha	129	128	Nicaragua (Ni-ca-ra-go-a)	228
30	Bờ Biển Ngà (Cốt-đi-voa)	130	129	Niger (Ni-giê)	229
31	Brasil (Bra-xin)	131	130	Nigeria (Ni-giê-ri-a)	230
32	Brunei (Bru-nây)	132	131	Nga	231
33	Bulgaria (Bungari)	133	132	Nhật Bản	232
34	Burkina Faso (Buốc-ki-na Pha-xô)	134	133	Oman (Ô-man)	233
35	Burundi	135	134	Pakistan (Pa-kít-xtan)	234
36	Cabo Verde (Cáp Ve)	136	135	Palau (Pa-lau)	235
37	Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất	137	136	Panama (Pa-na-ma)	236
38	Cameroon (Ca-mơ-run)	138	137	Papua New Guinea (Pa-pua Niu Ghi-nê)	237
39	Campuchia	139	138	Paraguay (Pa-ra-goay)	238
40	Canada (Ca-na-đa; Gia Nã Đại)	140	139	Peru (Pê-ru)	239
41	Chile (Chi-lê)	141	140	Pháp (Pháp Lan Tây)	240
42	Colombia (Cô-lôm-bi-a)	142	141	Phần Lan	241
43	Comoros (Cô-mo)	143	142	Philippines (Phi-líp-pin)	242
44	Cộng hòa Congo (Công-gô; Congo-Brazzaville)	144	143	Qatar (Ca-ta)	243
45	Cộng hòa Dân chủ Congo (Congo-Kinshasa)	145	144	Romania (Ru-ma-ni, Lỗ Ma Ni)	244
46	Costa Rica (Cốt-xta Ri-ca)	146	145	Rwanda (Ru-an-đa)	245
47	Croatia (Crô-a-ti-a)	147	146	Saint Kitts và Nevis (Xanh Kít và Nê-vít)	246
48	Cộng hòa Croatia	148	147	Saint Lucia (San-ta Lu-xi-a)	247
49	Cuba (Cu-ba)	149	148	Saint Vincent và Grenadines (Xanh Vin-xen và Grê-na-din)	248
50	Djibouti (Gi-bu-ti)	150	149	Samoa (Xa-moa)	249
51	Dominica (Đô-mi-ni-ca)	151	150	San Marino (San Ma-ri-nô)	250
52	Cộng hòa Dominicana (Đô- mi-ni-ca-na)	152	151	São Tomé và Príncipe (Sao Tô-mê và Prin-xi-pê)	251
53	Đan Mạch	153	152	Séc (Tiệp)	252
54	Đông Timor (Ti-mo Lex-te)	154	153	Sénégal (Xê-nê-gan)	253
55	Đức	155	154	Serbia (Xéc-bi-a)	254
56	Ecuador (Ê-cu-a-đo)	156	155	Seychelles (Xây-sen)	255
57	El Salvador (En Xan-va-đo)	157	156	Sierra Leone (Xi-ê-ra Lê- ôn)	256
58	Eritrea (Ê-ri-tơ-ri-a)	158	157	Singapore (Xinh-ga-po)	257
59	Estonia (E-xtô-ni-a)	159	158	Slovakia (Xlô-va-ki-a)	258

STT	Tên nước	Mã	STT	Tên nước	Mã
60	Ethiopia (Ê-t(h)i-ô-pi-a)	160	159	Slovenia (Xlô-ven-ni-a)	259
61	Fiji (Phi-gi)	161	160	Solomon (Xô-lô-môn)	260
62	Gabon (Ga-bông)	162	161	Somalia (Xô-ma-li)	261
63	Gambia (Găm-bi-a)	163	162	Sri Lanka (Xri Lan-ca)	262
64	Ghana (Ga-na)	164	163	Sudan (Xu-đăng)	263
65	Grenada (Grê-na-đa)	165	164	Suriname (Xu-ri-nam)	264
66	Gruzia (Gru-di-a)	166	165	Swaziland (Xoa-di-len)	265
67	Guatemala (Goa-tê-ma-la)	167	166	Syria (Xi-ri)	266
68	Guinea-Bissau (Ghi-nê Bít-xao)	168	167	Tajikistan (Tát-gi-kít-xtan)	267
69	Guinea Xích Đạo (Ghi-nê Xích Đạo)	169	168	Tanzania (Tan-da-ni-a)	268
70	Guinea (Ghi-nê)	170	169	Tây Ban Nha	269
71	Guyana (Gai-a-na)	171	170	Tchad (Sát)	270
72	Haiti (Ha-i-ti)	172	171	Thái Lan	271
73	Hà Lan (Hòa Lan)	173	172	Thổ Nhĩ Kỳ	272
74	Hàn Quốc (Nam Hàn)	174	173	Thụy Điển	273
75	Hoa Kỳ (Mỹ)	175	174	Thụy Sĩ (Thụy Sỹ)	274
76	Honduras (Hôn-đu-rát) (Ôn-đu-rát)	176	175	Togo (Tô-gô)	275
77	Hungary (Hung-ga-ri)	177	176	Tonga (Tông-ga)	276
78	Hy Lạp	178	177	Triều Tiên	277
79	Iceland (Ai xơ len)	179	178	Trinidad và Tobago (Tri-ni-đát và Tô-ba-gô)	278
80	Indonesia (In-đô-nê-xi-a)	180	179	Trung Quốc	279
81	Iran	181	180	Trung Phi	280
82	Iraq (I-rắc)	182	181	Tunisia (Tuy-ni-di)	281
83	Ireland (Ai-len)	183	182	Turkmenistan (Tuốc-mê-ni-xtan)	282
84	Israel (I-xra-en)	184	183	Tuvalu	283
85	Jamaica (Gia-mai-ca)	185	184	Úc (Ôt-xrây-li-a)	284
86	Jordan (Gioóc-đan-ni)	186	185	Uganda (U-gan-đa)	285
87	Kazakhstan (Ca-đắc-xtan)	187	186	Ukraina (U-crai-na)	286
88	Kenya (Kê-nhi-a)	188	187	Uruguay (U-ru-goay)	287
89	Kiribati	189	188	Uzbekistan (U-dơ-bê-kít-xtan)	288
90	Kuwait (Cô-oét)	190	189	Vanuatu (Va-nu-a-tu)	289
91	Síp	191	190	Việt Nam	000
92	Kyrgyzstan (Cu-rơ-gur-xtan)	192	191	Thành Vatican (Va-ti-căng)/Tòa Thánh	290
93	Lào	193	192	Venezuela (Vê-nê-xu(y)-ê-la)	291
94	Latvia (Lat-vi-a)	194	193	Ý (I-ta-li-a)	292

STT	Tên nước	Mã	STT	Tên nước	Mã
95	Lesotho (Lê-xô-thô)	195	194	Yemen (Y-ê-men)	293
96	Li ban (Li-băng)	196	195	Zambia (Dăm-bi-a)	294
97	Liberia (Li-bê-ri-a)	197	196	Zimbabwe (Dim-ba-bu-ê)	295
98	Libya (Li-bi)	198			
99	Liechtenstein (Lích-ten-xtai)	199			

**Phụ lục 2: TÊN, TÊN VIẾT TẮT CỦA 241 QUỐC GIA,
VÙNG LÃNH THỔ TRÊN THẾ GIỚI**
(theo tiêu chuẩn ISO 3166)

STT	Tên Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Mã Quốc gia	Tên viết tắt	STT	Tên Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Mã Quốc gia	Tên viết tắt
1	AFGHANISTAN	101	AF		TERRITORY		
2	ALAND ISLANDS		AX	33	BRUNEI DARUSSALAM	132	BN
3	ALBANIA	103	AL	34	BULGARIA	133	BG
4	ALGERIA	104	DZ	35	BURKINA FASO	134	BF
5	AMERICAN SAMOA		AS	36	BURUNDI	135	BI
6	ANDORRA	105	AD	37	CAMBODIA	139	KH
7	ANGOLA	106	AO	38	CAMEROON	138	CM
8	ANGUILLA		AI	39	CANADA	140	CA
9	ANTARCTICA		AQ	40	CAPE VERDE	136	CV
10	ANTIGUA AND BARBUDA	108	AG	41	CAYMAN ISLANDS		KY
11	ARGENTINA	111	AR	42	CENTRAL AFRICAN REPUBLIC		CF
12	ARMENIA	112	AM	43	CHAD		TD
13	ARUBA		AW	44	CHILE	141	CL
14	AUSTRALIA	284	AU	45	CHINA	279	CN
15	AUSTRIA	109	AT	46	CHRISTMAS ISLAND		CX
16	AZERBAIJAN	113	AZ	47	COCOS (KEELING) ISLANDS		CC
17	BAHAMAS	116	BS	48	COLOMBIA	142	CO
18	BAHRAIN	117	BH	49	COMOROS	143	KM
19	BANGLADESH	119	BD	50	CONGO	145	CG
20	BARBADOS	120	BB	51	CONGO, THE DEMOCRATIC REPUBLIC OF THE	144	CD
21	BELARUS	121	BY	52	COOK ISLANDS		CK
22	BELGIUM	125	BE	53	COSTA RICA	146	CR
23	BELIZE	122	BZ	54	CÔTE D'IVOIRE	130	CI
24	BENIN	123	BJ	55	CROATIA	147	HR
25	BERMUDA		BM	56	CUBA	149	CU
26	BHUTAN	124	BT	57	CYPRUS	191	CY
27	BOLIVIA	126	BO	58	CZECH REPUBLIC	252	CZ
28	BOSNIA AND HERZEGOVINA	127	BA				
29	BOTSWANA	128	BW				
30	BOUVET ISLAND		BV				
31	BRAZIL	131	BR				
32	BRITISH INDIAN OCEAN		IO				

STT	Tên Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Mã Quốc gia	Tên viết tắt	STT	Tên Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Mã Quốc gia	Tên viết tắt
59	DENMARK	153	DK	92	GUYANA	171	GY
60	DJIBOUTI	150	DJ	93	HAITI	172	HT
61	DOMINICA	151	DM	94	HEARD ISLAND AND MCDONALD ISLANDS		HM
62	DOMINICAN REPUBLIC	152	DO	95	HOLY SEE (VATICAN CITY STATE)		VA
63	ECUADOR	156	EC	96	HONDURAS	176	HN
64	EGYPT	178	EG	97	HONG KONG		HK
65	EL SALVADOR	157	SV	98	HUNGARY	177	HU
66	EQUATORIAL GUINEA		GQ	99	ICELAND	179	IS
67	ERITREA	158	ER	100	INDIA	115	IN
68	ESTONIA	159	EE	101	INDONESIA	180	ID
69	ETHIOPIA	160	ET	102	IRAN, ISLAMIC REPUBLIC OF	181	IR
70	FALKLAND ISLANDS (MALVINAS)		FK	103	IRAQ	182	IQ
71	FAROE ISLANDS		FO	104	IRELAND	183	IE
72	FIJI	161	FJ	105	ISRAEL	184	IL
73	FINLAND	241	FI	106	ITALY	192	IT
74	FRANCE	240	FR	107	JAMAICA	185	JM
75	FRENCH GUIANA		GF	108	JAPAN	232	JP
76	FRENCH POLYNESIA		PF	109	JORDAN	186	JO
77	FRENCH SOUTHERN TERRITORIES		TF	110	KAZAKHSTAN	187	KZ
78	GABON	162	GA	111	KENYA	188	KE
79	GAMBIA	163	GM	112	KIRIBATI	189	KI
80	GEORGIA	166	GE	113	KOREA, DEMOCRATIC PEOPLE'S REPUBLIC OF	177	KP
81	GERMANY	155	DE	114	KOREA, REPUBLIC OF	174	KR
82	GHANA	164	GH	115	KUWAIT	190	KW
83	GIBRALTAR		GI	116	KYRGYZSTAN	192	KG
84	GREECE	178	GR	117	LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC	193	LA
85	GREENLAND		GL	118	LATVIA	194	LV
86	GRENADA	165	GD	119	LEBANON	196	LB
87	GUADELOUPE		GP	120	LESOTHO	195	LS
88	GUAM		GU				
89	GUATEMALA	167	GT				
90	GUINEA	170	GN				
91	GUINEA-BISSAU	168	GW				

STT	Tên Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Mã Quốc gia	Tên viết tắt	STT	Tên Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Mã Quốc gia	Tên viết tắt
121	LIBERIA	197	LR		ANTILLES		
122	LIBYAN ARAB JAMAHIRIYA	198	LY	153	NEW CALEDONIA		NC
123	LIECHTENSTEIN	199	LI	154	NEW ZEALAND	227	NZ
124	LITHUANIA	200	LT	155	NICARAGUA	228	NI
125	LUXEMBOURG	201	LU	156	NIGER	229	NE
126	MACAO		MO	157	NIGERIA	230	NG
127	MACEDONIA, THE FORMER YUGOSLAV REPUBLIC OF	202	MK	158	NIUE		NU
128	MADAGASCAR	203	MG	159	NORFOLK ISLAND		NF
129	MALAWI	204	M W	160	NORTHERN MARIANA ISLANDS		MP
130	MALAYSIA	205	MY	161	NORWAY	225	NO
131	MALDIVES	206	MV	162	OMAN	233	OM
132	MALI	207	ML	163	PAKISTAN	234	PK
133	MALTA	208	MT	164	PALAU	235	PW
134	MARSHALL ISLANDS	210	MH	165	PALESTINIAN TERRITORY, OCCUPIED		PS
135	MARTINIQUE		MQ	166	PANAMA	236	PA
136	MAURITANIA	211	MR	167	PAPUA NEW GUINEA	237	PG
137	MAURITIUS	212	MU	168	PARAGUAY	238	PY
138	MAYOTTE		YT	169	PERU	239	PE
139	MEXICO	213	MX	170	PHILIPPINES	242	PH
140	MICRONESIA, FEDERATED STATES OF	214	FM	171	PITCAIRN		PN
141	MOLDOVA, REPUBLIC OF	215	MD	172	POLAND	118	PL
142	MONACO	216	MC	173	PORTUGAL	129	PT
143	MONGOLIA	217	MN	174	PUERTO RICO		PR
144	MONTSERRAT		MS	175	QATAR	243	QA
145	MOROCCO	209	MA	176	RÉUNION		RE
146	MOZAMBIQUE	219	MZ	177	ROMANIA	244	RO
147	MYANMAR	220	MM	178	RUSSIAN FEDERATION	231	RU
148	NAMIBIA	221	NA	179	RWANDA	245	RW
149	NAURU	224	NR	180	SAINT HELENA		SH
150	NEPAL	226	NP	181	SAINT KITTS AND NEVIS	246	KN
151	NETHERLANDS	173	NL	182	SAINT LUCIA	247	LC
152	NETHERLANDS		AN	183	SAINT PIERRE		PM

STT	Tên Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Mã Quốc gia	Tên viết tắt	STT	Tên Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Mã Quốc gia	Tên viết tắt
	AND MIQUELON			211	TANZANIA, UNITED REPUBLIC OF	268	TZ
184	SAINT VINCENT AND THE GRENADINES	248	VC	212	THAILAND	271	TH
185	SAMOA	249	WS	213	TIMOR-LESTE	154	TL
186	SAN MARINO	250	SM	214	TOGO	275	TG
187	SAO TOME AND PRINCIPE	251	ST	215	TOKELAU		TK
188	SAUDI ARABIA	110	SA	216	TONGA	276	TO
189	SENEGAL	253	SN	217	TRINIDAD AND TOBAGO	278	TT
190	SERBIA AND MONTENEGRO	218	CS	218	TUNISIA	281	TN
191	SEYCHELLES	255	SC	219	TURKEY	272	TR
192	SIERRA LEONE	256	SL	220	TURKMENISTA N	282	TM
193	SINGAPORE	257	SG	221	TURKS AND CAICOS ISLANDS		TC
194	SLOVAKIA	258	SK	222	TUVALU	283	TV
195	SLOVENIA	259	SI	223	UGANDA	285	UG
196	SOLOMON ISLANDS	260	SB	224	UKRAINE	286	UA
197	SOMALIA	261	SO	225	UNITED ARAB EMIRATES	137	AE
198	SOUTH AFRICA	223	ZA	226	UNITED KINGDOM	107	GB
199	SOUTH GEORGIA AND THE SOUTH SANDWICH ISLANDS		GS	227	UNITED STATES	175	US
200	SPAIN	269	ES	228	UNITED STATES MINOR OUTLYING ISLANDS		UM
201	SRI LANKA	262	LK	229	URUGUAY	287	UY
202	SUDAN	263	SD	230	UZBEKISTAN	288	UZ
203	SURINAME	264	SR	231	VANUATU	289	VU
204	SVALBARD AND JAN MAYEN		SJ	232	Vatican City State see HOLY SEE	290	VA
205	SWAZILAND	265	SZ	233	VENEZUELA	291	VE
206	SWEDEN	273	SE	234	VIET NAM	000	VN
207	SWITZERLAND	274	CH	235	VIRGIN ISLANDS, BRITISH		VG
208	SYRIAN ARAB REPUBLIC	266	SY	236	VIRGIN ISLANDS, U.S.		VI
209	TAIWAN, PROVINCE OF CHINA		TW				
210	TAJIKISTAN	267	TJ				

STT	Tên Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Mã Quốc gia	Tên viết tắt	STT	Tên Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Mã Quốc gia	Tên viết tắt
237	WALLIS AND FUTUNA		WF	239	YEMEN	293	YE
				240	ZAMBIA	294	ZM
238	WESTERN SAHARA		EH	241	ZIMBABWE	295	ZW

Phụ lục 3: DANH MỤC MÃ TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NƠI CÔNG DÂN ĐĂNG KÝ KHAI SINH

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BCA
ngày 01/02/2016 của Bộ Công an)*

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã
1	Hà Nội	001
2	Hà Giang	002
3	Cao Bằng	004
4	Bắc Kạn	006
5	Tuyên Quang	008
6	Lào Cai	010
7	Điện Biên	011
8	Lai Châu	012
9	Sơn La	014
10	Yên Bái	015
11	Hòa Bình	017
12	Thái Nguyên	019
13	Lạng Sơn	020
14	Quảng Ninh	022
15	Bắc Giang	024
16	Phú Thọ	025
17	Vĩnh Phúc	026
18	Bắc Ninh	027
19	Hải Dương	030
20	Hải Phòng	031
21	Hưng Yên	033
22	Thái Bình	034
23	Hà Nam	035
24	Nam Định	036
25	Ninh Bình	037
26	Thanh Hóa	038
27	Nghệ An	040
28	Hà Tĩnh	042
29	Quảng Bình	044
30	Quảng Trị	045
31	Thừa Thiên Huế	046
32	Đà Nẵng	048

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã
33	Quảng Nam	049
34	Quảng Ngãi	051
35	Bình Định	052
36	Phú Yên	054
37	Khánh Hòa	056
38	Ninh Thuận	058
39	Bình Thuận	060
40	Kon Tum	062
41	Gia Lai	064
42	Đắk Lắk	066
43	Đắk Nông	067
44	Lâm Đồng	068
45	Bình Phước	070
46	Tây Ninh	072
47	Bình Dương	074
48	Đồng Nai	075
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	077
50	Hồ Chí Minh	079
51	Long An	080
52	Tiền Giang	082
53	Bến Tre	083
54	Trà Vinh	084
55	Vĩnh Long	086
56	Đồng Tháp	087
57	An Giang	089
58	Kiên Giang	091
59	Cần Thơ	092
60	Hậu Giang	093
61	Sóc Trăng	094
62	Bạc Liêu	095
63	Cà Mau	096

Phụ lục 4: KÍ HIỆU VISA THỊ THỰC

(Theo quy định tại Điều 8, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Luật số 47/2014/QH13))

1. NG1: Cấp cho thành viên đoàn khách mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

2. NG2: Cấp cho thành viên đoàn khách mời của Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước; thành viên đoàn khách mời cùng cấp của Bộ trưởng và tương đương, Bí thư tỉnh ủy, Bí thư thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. NG3: Cấp cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế thuộc Liên hợp quốc, cơ quan đại diện tổ chức liên chính phủ và vợ, chồng, con dưới 18 tuổi, người giúp việc cùng đi theo nhiệm kỳ.

4. NG4: Cấp cho người vào làm việc với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế thuộc Liên hợp quốc, cơ quan đại diện tổ chức liên chính phủ; người vào thăm thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế thuộc Liên hợp quốc, cơ quan đại diện tổ chức liên chính phủ.

5. LV1: Cấp cho người vào làm việc với các ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tỉnh ủy, thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

6. LV2: Cấp cho người vào làm việc với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

7. ĐT: Cấp cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam.

8. DN: Cấp cho người vào làm việc với doanh nghiệp tại Việt Nam.

9. NN1: Cấp cho người là Trưởng văn phòng đại diện, dự án của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

10. NN2: Cấp cho người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài, văn phòng đại diện tổ chức kinh tế, văn hoá, tổ chức chuyên môn khác của nước ngoài tại Việt Nam.

11. NN3: Cấp cho người vào làm việc với tổ chức phi chính phủ nước ngoài, văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài, văn phòng đại diện tổ chức kinh tế, văn hoá và tổ chức chuyên môn khác của nước ngoài tại Việt Nam.

12. DH: Cấp cho người vào thực tập, học tập.
13. HN: Cấp cho người vào dự hội nghị, hội thảo.
14. PV1: Cấp cho phóng viên, báo chí thường trú tại Việt Nam.
15. PV: Cấp cho phóng viên, báo chí vào hoạt động ngắn hạn tại Việt Nam.
16. LĐ: Cấp cho người vào lao động.
17. DL: Cấp cho người vào du lịch.
18. TT: Cấp cho người nước ngoài là vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của người nước ngoài được cấp thị thực ký hiệu LV1, LV2, ĐT, NN1, NN2, DH, PV1, LĐ hoặc người nước ngoài là cha, mẹ, vợ, chồng, con của công dân Việt Nam.
19. VR: Cấp cho người vào thăm người thân hoặc với mục đích khác.
20. SQ: Cấp cho các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 của Luật này.

Phụ lục 5: MÃ THỂ KỶ SINH, MÃ GIỚI TÍNH, MÃ NĂM SINH PHỤC VỤ VIỆC CẤP SỐ ĐỊNH DANH CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BCA Ngày 01/02/2016 của Bộ Công an)

1. Mã thể kỷ sinh, mã giới tính: Là số tương ứng với giới tính và thể kỷ công dân được sinh ra được áp dụng như sau:

Thể kỷ 20 (từ năm 1900 đến hết năm 1999): Nam 0, nữ 1;

Thể kỷ 21 (từ năm 2000 đến hết năm 2099): Nam 2, nữ 3;

Thể kỷ 22 (từ năm 2100 đến hết năm 2199): Nam 4, nữ 5;

Thể kỷ 23 (từ năm 2200 đến hết năm 2299): Nam 6, nữ 7;

Thể kỷ 24 (từ năm 2300 đến hết năm 2399): Nam 8, nữ 9.

2. Mã năm sinh: Thể hiện hai số cuối năm sinh của công dân.